

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-35

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

# **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

## **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019

Số: 230819.008/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 25 tháng 07 năm 2019, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>89.888.643.061</b>	<b>84.880.896.566</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.421.854.304	14.986.186.795
111	1. Tiền		1.421.854.304	10.986.186.795
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	4.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.800.000.000	20.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.800.000.000	20.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.211.372.775	36.854.952.377
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	32.331.414.444	33.711.252.659
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.107.808.030	1.983.681.546
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.600.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.243.061.844	1.230.929.715
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.911.543)	(70.911.543)
140	IV. Hàng tồn kho	10	16.390.591.988	12.237.589.462
141	1. Hàng tồn kho		16.390.591.988	12.237.589.462
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.823.994	2.167.932
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	64.823.994	2.167.932
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>119.683.230.593</b>	<b>121.646.180.821</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		21.456.000.000	23.456.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	21.450.000.000	23.450.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	6.000.000	6.000.000
220	II. Tài sản cố định		18.327.327.967	18.700.485.295
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	14.125.502.799	14.413.954.917
222	- Nguyên giá		45.168.146.425	51.038.693.110
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.042.643.626)	(36.624.738.193)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.201.825.168	4.286.530.378
228	- Nguyên giá		6.691.637.997	6.817.087.997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.489.812.829)	(2.530.557.619)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	28.757.699.340	29.255.644.380
231	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.699.272.849)	(23.201.327.809)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	5.979.287.226	5.717.385.523
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.979.287.226	5.717.385.523

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>45.006.314.277</b>	<b>44.237.601.700</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		40.200.000.000	40.200.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.700.000.000	4.700.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	122.329.200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(53.384.923)	(784.727.500)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>156.601.783</b>	<b>279.063.923</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	156.601.783	279.063.923
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>209.571.873.654</b>	<b>206.527.077.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.711.958.911</b>	<b>9.634.133.720</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.711.958.911</b>	<b>9.634.133.720</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	4.649.398.799	2.650.733.914
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		37.156.000	35.440.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	678.177.130	669.762.504
314	4. Phải trả người lao động		403.659.000	690.674.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.031.231.844	4.675.187.164
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		912.336.138	912.336.138
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>199.859.914.743</b>	<b>196.892.943.667</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>199.859.914.743</b>	<b>196.892.943.667</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.754.408.999	4.787.437.923
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.787.437.923	287.241.856
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.966.971.076	4.500.196.067
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>209.571.873.654</b>	<b>206.527.077.387</b>


Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	
			2019	2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	28.985.760.197	28.928.222.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.067.500	35.781.354
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.984.692.697	28.892.441.194
11	4. Giá vốn hàng bán	23	23.421.999.327	25.057.014.229
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.562.693.370	3.835.426.965
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.006.120.575	1.843.439.911
22	7. Chi phí tài chính	25	(663.918.985)	(768.420.378)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		32.654.204	6.935.962
25	8. Chi phí bán hàng	26	1.010.361.598	721.303.903
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	3.591.919.655	3.001.735.088
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.630.451.677	2.724.248.263
31	11. Thu nhập khác		400	-
32	12. Chi phí khác		52.957.312	175.720.304
40	13. Lợi nhuận khác		(52.956.912)	(175.720.304)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.577.494.765	2.548.527.959
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	610.523.689	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>2.966.971.076</b>	<b>2.548.527.959</b>



**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.577.494.765	2.548.527.959
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.179.242.682	2.297.564.731
03	- Các khoản dự phòng		(731.342.577)	(800.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.967.225.014)	(1.685.305.249)
06	- Chi phí lãi vay		32.654.204	6.935.962
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.090.824.060	2.367.723.403
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		254.265.903	(6.275.635.184)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.153.002.526)	(4.745.999.650)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		115.812.797	4.828.373.993
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		59.806.078	(96.721.049)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.654.204)	(6.935.962)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(636.437.935)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(185.445.464)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.301.385.827)	(4.114.639.913)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.664.542.612)	(6.890.796.192)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		60.652.363	363.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.600.000.000)	(17.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	12.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(37.370.000)	(200.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.990.386.945	1.534.713.423
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.250.873.304)	(10.392.446.405)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		8.971.553.250	4.316.425.988
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.971.553.250)	(1.325.814.188)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.073.360)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.073.360)	2.990.611.800

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.564.332.491)	(11.516.474.518)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.986.186.795	20.084.140.336
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.421.854.304</u>	<u>8.567.665.818</u>





Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 61.725.230.000 đồng; trong đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Xí nghiệp In Tổng hợp Alta	Thành phố Hồ Chí Minh	In ấn
Xí nghiệp In Đa phương tiện	Thành phố Hồ Chí Minh	In ấn, sản xuất phim
Trung tâm giải trí, rạp Cinemax	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung tâm giải trí, rạp 3D-4D

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

### 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### 2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.18 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	543.429.866	200.307.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	878.424.438	10.785.879.168
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	4.000.000.000	4.000.000.000
	<u><u>5.421.854.304</u></u>	<u><u>14.986.186.795</u></u>

(\*) Tại ngày 30/06/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 4.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.800.000.000	22.800.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000
	<b>22.800.000.000</b>	<b>22.800.000.000</b>	<b>20.800.000.000</b>	<b>20.800.000.000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>40.200.000.000</b>		<b>(53.384.923)</b>	<b>(784.727.500)</b>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Áo Lạ	20.000.000.000		-	(731.342.577)
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Áo Lạ	20.000.000.000		-	-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Áo Lạ	200.000.000		(53.384.923)	(53.384.923)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>4.700.000.000</b>			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Áo Lạ	4.700.000.000		-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>159.699.200</b>	<b>152.517.600</b>		<b>88.511.500</b>
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu)	100.199.200	152.517.600	-	88.511.500
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000		-	
	<b>45.059.699.200</b>	<b>152.517.600</b>	<b>(53.384.923)</b>	<b>88.511.500</b>
			<b>45.022.329.200</b>	<b>(784.727.500)</b>

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty CP Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 28/06/2019, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**c) Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ thông tin

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn và quảng cáo

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	24.093.030.558	-	26.184.078.669	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	2.428.378.260	-	953.998.729	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3.250.958.892	-	3.134.981.063	-
Các khoản phải thu khách hàng	2.559.046.734	(26.000.000)	3.438.194.198	(26.000.000)
	<b><u>32.331.414.444</u></b>	<b><u>(26.000.000)</u></b>	<b><u>33.711.252.659</u></b>	<b><u>(26.000.000)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	3.061.363.830	-	1.913.352.396	-
Trả trước cho người bán khác	46.444.200	-	70.329.150	-
	<b>3.107.808.030</b>	<b>-</b>	<b>1.983.681.546</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn <sup>(1)</sup>	1.000.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay cá nhân <sup>(2)</sup>	7.600.000.000	-	-	-
	<b>8.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc <sup>(3)</sup>	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc <sup>(4)</sup>	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc <sup>(5)</sup>	3.950.000.000	-	5.950.000.000	-
	<b>21.450.000.000</b>	<b>-</b>	<b>23.450.000.000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

- (1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.000.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Các khoản cho vay cá nhân bao tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm các hợp đồng vay vốn có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.000.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 2.500.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.500.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 5.950.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 2 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.950.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	752.000.000	-	752.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	428.739.726	-	418.053.425	-
Phải thu khác	62.322.118	(44.911.543)	60.876.290	(44.911.543)
	<b>1.243.061.844</b>	<b>(44.911.543)</b>	<b>1.230.929.715</b>	<b>(44.911.543)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
	<b>6.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.000.000</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập	26.000.000	-	26.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44.911.543	-	44.911.543	-
	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.684.117.513	-	11.270.824.700	-
Công cụ, dụng cụ	2.420.000	-	164.329.159	-
Thành phẩm	56.578.616	-	66.554.273	-
Hàng hoá	647.475.859	-	735.881.330	-
	<b>16.390.591.988</b>	<b>-</b>	<b>12.237.589.462</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>5.979.287.226</b>	<b>5.117.385.523</b>
- Mua sắm căn hộ GM2-20.03 <sup>(*)</sup>	2.159.786.311	1.747.271.639
- Mua sắm căn hộ GM3-04.12A <sup>(*)</sup>	1.552.537.648	1.258.102.589
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 <sup>(**)</sup>	2.266.963.267	2.112.011.295
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>600.000.000</b>
- Chi phí sửa chữa Nhà máy Alta	-	600.000.000
	<u><b>5.979.287.226</b></u>	<u><b>5.717.385.523</b></u>

(\*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 30/06/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục bàn giao và đưa vào sử dụng.

(\*\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 30/06/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	21.480.664.824	24.458.697.401	4.448.587.610	650.743.275	51.038.693.110				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.402.640.909	-	-	-	1.402.640.909				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.273.187.594)	-	-	(7.273.187.594)				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.883.305.733</b>	<b>17.185.509.807</b>	<b>4.448.587.610</b>	<b>650.743.275</b>	<b>45.168.146.425</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	13.920.005.553	19.973.234.325	2.274.316.423	457.181.892	36.624.738.193				
- Khấu hao trong kỳ	768.809.800	563.519.922	221.304.624	42.958.086	1.596.592.432				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.178.686.999)	-	-	(7.178.686.999)				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.688.815.353</b>	<b>13.358.067.248</b>	<b>2.495.621.047</b>	<b>500.139.978</b>	<b>31.042.643.626</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	7.560.659.271	4.485.463.076	2.174.271.187	193.561.383	14.413.954.917				
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>8.194.490.380</b>	<b>3.827.442.559</b>	<b>1.952.966.563</b>	<b>150.603.297</b>	<b>14.125.502.799</b>				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.978.730.535 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	579.202.904	6.817.087.997
- Giảm do hết hạn	-	(125.450.000)	(125.450.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.237.885.093</b>	<b>453.752.904</b>	<b>6.691.637.997</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.979.688.046	550.869.573	2.530.557.619
- Khấu hao trong kỳ	74.705.208	10.000.002	84.705.210
- Giảm do hết hạn	-	(125.450.000)	(125.450.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.054.393.254</b>	<b>435.419.575</b>	<b>2.489.812.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.258.197.047	28.333.331	4.286.530.378
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.183.491.839</b>	<b>18.333.329</b>	<b>4.201.825.168</b>

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2019 là 23.699.272.849 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 497.945.040 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	64.823.994	2.167.932
	<b>64.823.994</b>	<b>2.167.932</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	156.601.783	238.773.864
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	40.290.059
	<b>156.601.783</b>	<b>279.063.923</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Marubeni	3.307.285.150	3.307.285.150	1.461.296.925	1.461.296.925
Asean Pte. Ltd				
Symphony	430.310.000	430.310.000	441.655.000	441.655.000
Environmental Limited				
Phải trả các đối tượng khác	911.803.649	911.803.649	747.781.989	747.781.989
	<b>4.649.398.799</b>	<b>4.649.398.799</b>	<b>2.650.733.914</b>	<b>2.650.733.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		23.000.769		1.299.133.935		1.254.481.263		-		67.653.441	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		636.437.935		610.523.689		636.437.935		-		610.523.689	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		10.323.800		66.128.920		76.452.720		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		30.741.745		30.741.745		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		8.000.000		8.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		40.000		40.000		-		-	
			<b>669.762.504</b>		<b>2.014.568.289</b>		<b>2.006.153.663</b>				<b>678.177.130</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
- Bảo hiểm xã hội		2.304.225		-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.881.880.872		1.821.880.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		43.941.960		56.015.320
- Quỹ phải trả người lao động		1.073.555.442		1.073.555.442
- Bà Trần Thị Huệ		-		1.700.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		29.549.345		23.735.530
		<b>3.031.231.844</b>		<b>4.675.187.164</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	5.016.609.056	197.122.114.800
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2.548.527.959	2.548.527.959
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	7.425.137.015	199.530.642.759
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	4.787.437.923	196.892.943.667
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.966.971.076	2.966.971.076
Số dư cuối kỳ này	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	7.754.408.999	199.859.914.743

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000	17,03%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bi Liksin - TNHH MTV	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000	12,32%
Ông Hoàng Văn Điều	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000	9,38%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000	5,77%
Ông La Thế Nhân	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000	4,79%
Cổ đông khác	26.949.810.000	43,66%	26.949.810.000	43,66%
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000	7,06%
	61.725.230.000	100%	61.725.230.000	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2019	2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	56.015.320	29.394.040
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.073.360)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	43.941.960	29.394.040
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu phổ thông	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<b>2.243.857.861</b>	<b>2.243.857.861</b>
<b>20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>a) Tài sản thuê ngoài</b>		
Công ty được Nhà nước giao đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	30/06/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	316,69	322,69
<b>21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	21.029.041.171	22.251.642.232
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.956.719.026	6.676.580.316
	<b>28.985.760.197</b>	<b>28.928.222.548</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.067.500	35.781.354
	<b>1.067.500</b>	<b>35.781.354</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.119.930.563	2.251.291.364
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.213.214.473	20.403.114.766
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.088.854.291	2.402.608.099
	<b>23.421.999.327</b>	<b>25.057.014.229</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.457.087.846	1.837.746.756
Cổ tức, lợi nhuận được chia	543.985.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.047.329	5.693.155
	<b>2.006.120.575</b>	<b>1.843.439.911</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.654.204	6.935.962
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	34.769.388	24.643.660
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(731.342.577)	(800.000.000)
	<b>(663.918.985)</b>	<b>(768.420.378)</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.600	-
Chi phí nhân công	66.350.430	69.701.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	6.197.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.908.307	302.011.393
Chi phí khác bằng tiền	92.042.261	343.393.616
	<b>1.010.361.598</b>	<b>721.303.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.488.480	29.689.062
Chi phí nhân công	2.051.618.822	1.737.997.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.314.594	474.630.155
Thuế, phí, lệ phí	46.524.745	38.496.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.290.524	539.341.183
Chi phí khác bằng tiền	175.682.490	181.580.450
	<b>3.591.919.655</b>	<b>3.001.735.088</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.577.494.765	2.548.527.959
Các khoản điều chỉnh tăng	19.109.080	23.278.797
- Chi phí không hợp lệ	19.109.080	23.278.797
Các khoản điều chỉnh giảm	(543.985.400)	(2.571.806.756)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(543.985.400)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(2.571.806.756)
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.052.618.445	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>610.523.689</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	636.437.935	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(636.437.935)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>610.523.689</b>	<b>-</b>

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.685.993.081	1.143.312.742
Chi phí nhân công	2.966.675.882	2.257.172.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.179.242.682	2.297.564.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.194.173.386	1.018.825.100
Chi phí khác bằng tiền	756.078.732	645.058.749
	<b>8.782.163.763</b>	<b>7.361.934.093</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.421.854.304	-	14.986.186.795	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.580.476.288	(70.911.543)	34.948.182.374	(70.911.543)
Các khoản cho vay	52.850.000.000	-	44.250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	100.199.200	-	62.829.200	-
	<b>91.952.529.792</b>	<b>(70.911.543)</b>	<b>94.247.198.369</b>	<b>(70.911.543)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			7.680.630.643	7.325.921.078
			<b>7.680.630.643</b>	<b>7.325.921.078</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn trong chương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	62.829.200	-	62.829.200
	<u>-</u>	<u>62.829.200</u>	<u>-</u>	<u>62.829.200</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.421.854.304	-	-	5.421.854.304
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.503.564.745	6.000.000	-	33.509.564.745
Các khoản cho vay	31.400.000.000	21.450.000.000	-	52.850.000.000
	<u>70.325.419.049</u>	<u>21.456.000.000</u>	<u>-</u>	<u>91.781.419.049</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.986.186.795	-	-	14.986.186.795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.871.270.831	6.000.000	-	34.877.270.831
Các khoản cho vay	20.800.000.000	23.450.000.000	-	44.250.000.000
	<b>70.657.457.626</b>	<b>23.456.000.000</b>	<b>-</b>	<b>94.113.457.626</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.680.630.643	-	-	7.680.630.643
	<b>7.680.630.643</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.680.630.643</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.325.921.078	-	-	7.325.921.078
	<b>7.325.921.078</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.325.921.078</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động sản xuất và thương mại</u>	<u>Hoạt động dịch vụ</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.027.973.671	7.956.719.026	28.984.692.697
Chi phí bộ phận trực tiếp	21.333.145.036	2.088.854.291	23.421.999.327
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(305.171.365)</b>	<b>5.867.864.735</b>	<b>5.562.693.370</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.264.542.612	2.264.542.612
Tài sản bộ phận trực tiếp	152.041.351.187	57.530.522.467	209.571.873.654
<b>Tổng tài sản</b>	<b>152.041.351.187</b>	<b>57.530.522.467</b>	<b>209.571.873.654</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.045.885.165	2.666.073.746	9.711.958.911
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.045.885.165</b>	<b>2.666.073.746</b>	<b>9.711.958.911</b>

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập



Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2019